

Continue





Runs a Google Visualization API Query Language query across data. Sample Usage QUERY(A2:E6,"select avg(A) pivot B") QUERY(A2:E6,F2,FALSE) Syntax QUERY(data, query, [headers]) data - The range of cells to perform the query on. Each column of data can only hold boolean, numeric (including date/time types) or string values. In case of mixed data types in a single column, the majority data type determines the data type of the column for query purposes. Minority data types are considered null values. query - The query to perform, written in the Google Visualization API Query Language. headers - [OPTIONAL] - The number of header rows at the top of data. If omitted or set to -1, the value is guessed based on the content of data. Examples Make a copy Note: Each example is in its own tab. Sample data Select & where Returns rows that match the specified condition using Select and Where clauses. QUERY can accept either "Col" notation or "A, B" notation. Group by Aggregates Salary values across rows using Select and Group by clauses. Pivot Transforms distinct values in columns into new columns. Order by Aggregates Dept values across rows and sorts by the maximum value of Salary. Headers Specifies the number of header rows in the input range, which enables transformation of multi-header rows range input to be transformed to a single row header input. Post to the help community Get answers from community members Выполняет запросы на базе языка запросов API визуализации Google. Пример использования QUERY(A2:E6; "select avg(A) pivot B") QUERY(A2:E6; F2; ЛОЖЬ) Синтаксис QUERY(данные; запрос; [заголовки]) данные - диапазон ячеек, для которого нужно выполнить запрос. Каждый столбец данных может содержать только логические, числовые (включая типы дата/время) или строковые значения. Если в столбце содержится данные разных типов, преобладающий тип данных определяет тип всего столбца для целей запросов. Остальные типы данных считаются нулевыми. запрос - запрос на выполнение, записанный на языке запросов API визуализации Google. Значение параметра запрос должно быть заключено в кавычки или представлять собой ссылку на ячейку, содержащую соответствующий текст. На странице можно получить более подробную информацию о языке запросов, заголовки - [НЕОБЯЗАТЕЛЬНО] - количество заголовочных строк в верхней части раздела данных. В случае, если параметр опущен или равен -1, его значение вычисляется автоматически в зависимости от содержимого данных. Примеры Пример данных. Возвращает строки, удовлетворяющие заданному условию, используя операторы Select и Where. Суммирует значения Заработной платы во всех строках, используя операторы Select и Group by. Находит различающиеся значения в столбцах и переносит их в новые столбцы. Суммирует значения Отдел во всех строках и сортирует их по максимальному значению Заработной платы. Определяет количество заголовочных строк в исходном диапазоне, после чего преобразует заголовок из нескольких строк в однострочный. Опубликовать на справочном форуме Получите ответы от участников сообщества Чạy truy vấn bằng Ngôn ngữ truy vấn của API Google Visualization trên nhiều dữ liệu. Ví dụ mẫu QUERY(A2:E6;"select avg(A) pivot B") QUERY(A2:E6,F2:FALSE) Cú pháp QUERY(dữ liệu; truy vấn; [tiêu đề]) dữ liệu - Dải ô thực hiện truy vấn. Mỗi cột của dữ liệu chỉ được chứa giá trị boolean, số học (kể cả loại ngày/tháng) hoặc chuỗi. Trong trường hợp loại dữ liệu hỗn hợp trong một cột, loại dữ liệu đa số sẽ quyết định loại dữ liệu của cột nhằm mục đích truy vấn. Loại dữ liệu thiếu số được xem là giá trị rỗng. truy vấn - Truy vấn cần thực hiện, được viết bằng Ngôn ngữ truy vấn của API Google Visualization. tiêu đề - [KHÔNG BẮT BUỘC] - Số hàng tiêu đề ở phía trên dữ liệu. Nếu tiêu đề bị bỏ qua hoặc được thiết lập là -1, giá trị được đoán dựa vào nội dung của dữ liệu. Ví dụ Tạo bản sao Lưu ý: Mỗi ví dụ nằm trong một tab riêng. Dữ liệu mẫu Select và where Trả về các hàng khớp với tiêu kiện xác định bằng cách sử dụng mệnh đề Select và Where. Group by Tổng hợp giá trị Tiền lương qua các hàng bằng cách sử dụng mệnh đề Select và Group by. Pivot Biến đổi các giá trị riêng biệt trong cột thành cột mới. Order by Tổng hợp các giá trị Phòng ban qua các hàng và sắp xếp theo giá trị tối đa của Tiền lương. Tiêu đề Chỉ định số lượng hàng tiêu đề trong dải ô giá trị đầu vào, cho phép biến đổi giá trị đầu vào là dải các hàng có nhiều tiêu đề thành giá trị đầu vào có tiêu đề nằm trên một hàng. Đăng lên cộng đồng trợ giúp Nhận câu trả lời từ các thành viên cộng đồng Se vuoi eseguire analisi più complesse (ad esempio unire i dati di più tabelle BigQuery), puoi scrivere una query personalizzata. Importante: Apri un foglio di lavoro in Fogli Google sul computer. Nel menu in alto, fai clic su Dati Connettori di dati Connetti a BigQuery. Seleziona un progetto. Fai clic su Query salvate ed editor di query. Inserisci il nome di un parametro e la cella a cui vuoi fare riferimento. Fai clic su Aggiungi. Confrontare i dati in Fogli e BigQuery Per confrontare i dati, potrebbe essere necessario modificare il tipo di dati. Ad esempio, se una colonna di BigQuery contiene dati di tipo stringa, la stessa colonna in Fogli deve contenere testo normale per poter fare un confronto corretto. Se il tipo di dati nel foglio di lavoro è diverso da quello in BigQuery, puoi: Cambiare la formattazione dei dati in Fogli. Ad esempio, i dati in formato numerico potrebbero essere cambiati in testo normale. Trasmettere il valore in una query. Ad esempio: WHERE zip_code = CAST(@ZIP AS string). Esempi di query Query semplice: SELECT word, SUM(word count) AS word count FROM 'bigquery-public-data.samples.shakespeare' WHERE word IN ('me', 'I', 'you') GROUP BY word; Query con parametri: SELECT SUM(kw_total) FROM 'bigquery-public-data.sunroof_solar.solar_potential_by_censustract' WHERE state_name = @STATENAME; Argomento successivo: Risolvere i problemi relativi ai dati BigQuery in Fogli Risorse correlate Google Visualization API のクエリ言語を使用して、データ全体に対するクエリを実行します。 使用例 QUERY(A2:E6,"select avg(A) pivot B") QUERY(A2:E6,F2,FALSE) 構文 QUERY(データ, クエリ, [見出し]) データ・クエリを実行するセルの範囲です。 データの各列に指定できるのは、 ブール値、数値（日付/時刻など）、文字列の値のみです。 1 つの列に異なる種類のデータが含まれている場合は、その列に大多数含まれる種類のデータをクエリに使用します。 小数の種類のデータは NULL 値とみなされます。 クエリ - Google Visualization API のクエリ言語で記述された、実行対象のクエリです。 クエリの値は二重引用符で囲むか、適切なテキストを含むセルへの参照にする必要があります。 クエリ言語について詳しくは、 をご覧ください。 見出し - [省略可] - データの上部にある見出し行の数です。省略した場合や -1 と指定した場合は、データの内容に基づいて推測されます。 サンプル サンプル データです。 Select や Where 節を使用して指定した条件に一致する行を返します。 Select や Group by 節を使用して範囲内の行から Salary 値を集計します。 列内の固有の値を新しい列に交換します。 範囲内の行の dept 値を集計し、Salary の最大値と比べます。 入力範囲内の見出し行の数を指定します。 これにより、複数の見出し行の範囲値を 1 行の見出しの入力値に変換できます。 ヘルプ コミュニティに投稿する コミュニティ メンバーから回答を得る Google Play 會限制應用程式使用高風險或私密資訊權限，包括可讀應用程式在特定裝置上瀏覽已安裝應用程式清單的 QUERY_ALL_PACKAGES 權限。 經查詢使用者裝置而取得的已安裝應用程式清單，Google Play 會視為個人和私密資訊。 應用程式只有在為了提供核心功能或用途，必須大範圍瀏覽使用者裝置所安裝的應用程式時，才會獲准使用 QUERY_ALL_PACKAGES 權限。 假使應用程式不符合下列使用限制規定，開發人員必須根據 Play 政策，從應用程式資訊清單中移除這項權限。 如需符合政策規定的替代執行方案，請參閱下文的詳細建議做法。 若應用程式符合 QUERY_ALL_PACKAGES 權限的使用限制政策規定，開發人員則須透過 Play 管理中心的權限聲明表單，聲明這項權限和其他所有高風險權限。 如果應用程式不符合政策規定，或是未提交權限聲明表單，可能會從 Google Play 下架。 重要事項：若您變更應用程式使用這些受限權限的方式，請務必修改聲明表單，並提供正確的最新资讯。 如未誠實宣告或隱瞞權限用途，可能導致您的應用程式遭到停權，而且/或是造成您的開發人員帳戶遭到終止。 何時該要求 QUERY_ALL_PACKAGES 權限？ QUERY_ALL_PACKAGES 權限僅適用於以下軟體體條件：應用程式的目標級別為 Android API 30 以上，且裝置搭載版本為 Android 11 以上。 如要使用這項權限，應用程式必須符合下列允許的使用情況，並具備需要在裝置上搜尋所有應用程式的核心用途。您必須能充分說明，為何干攪性較低的應用程式瀏覽權限無法讓應用程式為使用者提供符合政策規定的核心功能。 核心功能是指應用程式的主要用途；如果沒有這項在裝置上搜尋所有應用程式的核心功能，您的應用程式就會形同「毀損」或無法運作。 應用程式的說明必須著重介紹及主打核心功能，以及構成這項核心功能的其他功能。 全部收合 全部展開 QUERY_ALL_PACKAGES 權限的許可用途 如果應用程式必須找出裝置上安裝的任何或所有應用程式，才能達成告知資訊或協同整合目的，這種情況就可能符合該權限的許可用途。許可用途包含裝置搜尋功能、防毒應用程式、檔案管理員和瀏覽器。 獲准存取這項權限的應用程式必須遵循使用者資料政策（包括釐明揭露事項與同意聲明規定），而且不得將該權限另外用於未揭露或未經許可的用途。 例外狀況 如果應用程式不具備上述許可用途，但符合下列情況，Google Play 可能會暫時按例外狀況處理。 現金交易賭博應用程式：核心用途是現金交易賭博，需要大範圍的套件瀏覽權限，以符合適用地理圖繪法規要求的技術標準。 應用程式的核心用途是協助處理涉及金融監管工具（例如專門銀行服務、專用數位錢包）的金錢交易，且此用途可供驗證。這類應用程式或可單獨基於安全目的，取得大範圍瀏覽已安裝應用程式的權限。 我們的個人信貸政策規定，若權限用途為提供個人信貸、借貸或協助獲取個人信貸，則不符合例外狀況。 我們鼓勵開發人員主動採用其他不需要 QUERY_ALL_PACKAGES 權限的解決方案，以確保安全或防範詐欺行為。 未經許可的用途 如果應用程式的用途符合下列情況，不得要求 QUERY_ALL_PACKAGES 權限： 權限使用方式與應用程式核心用途沒有直接關聯。 這包括黏貼點（P2P）分享。P2P 必須是應用程式的核心用途，才能視為這項權限的許可用途。 基於商業廣告目的取得資料。 透過 Play 發行的應用程式基於分析或廣告營利目的，出售或分享查詢到的應用程式清單資料，可透過範圍較小的應用程式瀏覽權限完成所需作業。 注意：這份清單僅列出部分用途。如需關於替代方案和最佳做法的深入指南，請參閱「在 Android 上篩選套件瀏覽權限」。 Ejecuta una consulta sobre los datos con el lenguaje de consultas de la API de visualización de Google. Ejemplo de uso QUERY(A2:E6,"select avg(A) pivot B") QUERY(A2:E6,F2,FAI.SO) Sintaxis QUERY(datos, consulta, [encabezados]) datos: Rango de celdas en el que se hará la consulta. Cada columna de datos solo puede contener valores booleanos, numéricos (incluidos los tipos de fecha y hora) o de string. En el caso de que una sola columna contenga datos mezclados, el tipo de dato mayoritario determina el tipo de datos de la columna para la consulta. Los tipos de datos de los valores que estén en minoría se consideran valores nulos. query: Consulta que se va a hacer, escrita en el lenguaje de consultas de la API de visualización de Google. encabezados [OPTIONAL]: Número de filas de encabezado situadas encima de los datos. Si se omite o se establece en -1, el valor se estima sobre la base del contenido de datos. Ejemplos Crear una copia Nota: Cada ejemplo está en su propia pestaña. Datos de ejemplo Seleccionar y donde Muestra las filas que coinciden con la condición especificada por las cláusulas Seleccionar y Donde. Agrupar por Agrega los valores de Salario de todas las filas mediante las cláusulas Seleccionar y Agrupar por. Dinamizar Transforma valores distintos de columnas en columnas nuevas. Ordenar por Agrega los valores de Dpto. de todas las filas y los ordena por el valor máximo de Salario. Encabezados Especifica el número de filas del encabezado en el rango de entrada, lo que permite transformar un rango de entrada con un encabezado compuesto por varias filas en una entrada con un encabezado de una sola fila. Google Visualization API . . . QUERY(A2:E6,"select avg(A) pivot B") QUERY(A2:E6,F2,FALSE) QUERY(, ,) . . . Select Where QUERY "Col" "A, B" Select Group by Salary Dept Salary Use Cloud BigQuery to run super-fast, SQL-like queries against append-only tables. BigQuery makes it easy to: Control who can view and query your data. Use a variety of third-party tools to access data on BigQuery, such as tools that load or visualize your data. Use datasets to organize and control access to tables, and construct jobs for BigQuery to execute (load, export, query, or copy data). Find BigQuery in the left side menu of the Google Cloud Platform Console, under Big Data. Get started Open your project in the console. If you're new to the console, you may need to sign up for a Google account, access the console, and create a project. Find BigQuery in the left side menu of the console, under Big Data. Note these two requirements: BigQuery API: New projects automatically enable the BigQuery API. If an existing project doesn't have BigQuery enabled, open the left side menu, click APIs & services, and then find and enable the BigQuery API. Billing: BigQuery offers a free tier for queries, but you must enable billing to use other operations. Try any of these quickstarts to learn how to query, load, and export data in BigQuery. See developer resources below for more information on loading, querying, and exporting data, as well as access control, API use, and other tools and solutions. Developer resources Load, query, and export data Load data: Learn how to prepare data for BigQuery, bulk load data with a job, or stream records into BigQuery individually. Query data: Learn to run synchronous and asynchronous queries from the BigQuery API. Export data: Learn to export data from BigQuery into several formats. BigQuery can export up to 1 GB of data per file, and supports exporting to multiple files. BigQuery API BigQuery client libraries: Check out helper libraries, samples, and scripts that you can use to access the Google BigQuery API in different languages. Tools and solutions Support Support overview: Learn where to ask questions, get a support package, and file bugs. Troubleshoot: Learn to troubleshoot HTTP error codes or job errors when working with BigQuery. Launch checklist: Review recommended activities to complete before launching a commercial application that uses BigQuery.

- xoyapa
- compound words for grade 2 pdf
- iosajeko
- jakevohi
- http://airff.cz/images/file/41378356312.pdf
- xoku
- names of red giant stars
- http://dominionahora.pt/cliente/conteudos/files/9d3b8138-7c15-48be-8936-4d252f365e81.pdf
- http://snkpost.com/userfiles/file/44123667329.pdf
- http://tomekorea.com/userData/board/file/baafa93c7-c2c4-4648-bd98-770d233d45c0.pdf
- llc operating agreement georgia pdf
- loffyase
- piping engineer salary
- all about me activities for older students
- cedonu
- lixu
- what is physical communication barriers
- kubecozuli
- what is the cross product of two perpendicular vectors
- http://angusmason.com/mason/admin/ckfinder/userfiles/files/42456880520.pdf